

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÈO VẠC
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 29/3/2024

V/v “tranh chấp Ly hôn, con chung
và cấp dưỡng nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Yên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Sùng Thị Máy

2. Ông Ngô Chí Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc tham gia phiên tòa:***
Ông Vũ Mí Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn, con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Minh A, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: phường Đ, quận K, thành phố H1. Xin xét xử vắng mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Vắng mặt.

3. ***Những người làm chứng:***

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Vắng mặt.

Bà Hoàng Thị M1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ1, xã A1, huyện A2, thành phố H1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Minh A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn vào ngày 07/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh H. Qua nhiều năm chung sống vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ghen tuông, nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến cuộc sống không thể dung hòa được, vì vậy anh chị quyết định ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường đánh đập chị, bên cạnh đó anh T còn chơi cờ bạc, nhả tin với nhiều cô gái khác, ghen tuông vô cớ và thường xuyên đe dọa tinh thần chị. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Chị đã về quê ngoại sống từ tháng 12/2022 cho đến nay, chị đã hết tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn. Chị mới đi làm lại lương 4.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A3, sinh ngày 17/10/2016, chị đề nghị anh Nguyễn Duy T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A3, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/ tháng).

Tài sản chung: anh chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2023 bị đơn Nguyễn Duy T trình bày:

Anh chị kết hôn vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 12/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau từ những việc nhỏ nhặt. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với vợ và không muốn ly hôn, nếu chị A kiên quyết xin ly hôn thì vẫn làm theo quy định của pháp luật. Anh chị có một con chung Nguyễn Bảo A3 sinh ngày 17/10/2016, anh và bố mẹ đẻ trực tiếp nuôi cháu A3. Anh làm công nhân, thu nhập một tháng trên mười triệu đồng. Anh chị hiện nay đang sống riêng. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị bố mẹ hai bên đều biết.

Tài sản chung: anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có.

Người làm chứng Nguyễn Văn Q: Ông là bố đẻ của anh T và là bố chồng của chị A. Vợ chồng anh T thường xuyên đi làm, tết mới về nhà mấy hôm, con thì ông bà nuôi. Vào khoảng đầu tháng 11/2023, con trai có bắt được vợ ngủ cùng trai ở phòng trọ ở H1, gọi cả Công an phường ra, ông không chấp nhận được việc này, vợ chồng ông bà có xuống H1 để nói chuyện với gia đình thông gia về việc của các con. Chị A xin ly hôn anh T ông không có ý kiến gì, việc của các con do các con quyết định, ông không nghĩ vợ chồng các con lại đến mức độ như thế, ông đã khuyên cả hai con tu chí làm ăn và nuôi con gìn giữ gia đình. Vợ chồng con trai ông sống ly thân cũng mấy tháng rồi.

Người làm chứng Hoàng Thị M1: Bà là mẹ đẻ của anh T và là mẹ chồng của chị A. Khi con của anh chị được 18 tháng thì anh chị để con cho vợ chồng bà nuôi và về dưới xuôi làm công nhân. Lúc các con lên H ở mấy tháng bà thấy bình thường, dùng một cái xảy ra chuyện và con dâu đi về H1, đi cũng không về. Vào đầu tháng 11/2023, con trai bà bắt gặp con dâu đi cặp bồ, biết thông tin hai vợ chồng bà đi H1 luôn, hai bên thông gia có ngồi nói chuyện, động viên các con nhưng các con không nghe. Chuyện của các con bố mẹ đã khuyên bảo, các con không nghe thì không biết làm thế nào, tùy các con quyết định. Khi các con xảy ra chuyện thì bà mới biết, không thấy đứa nào nói gì.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H2: Bà là mẹ đẻ của chị A và là mẹ vợ của anh T. Quá trình chung sống của hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống của hai vợ chồng không phù hợp nên không tìm được tiếng nói chung, anh T ghen tuông vô cớ, không tin tưởng vợ, chơi bời cờ bạc trên mạng, chị A đã về nhà bà ở từ giáp Tết Dương lịch 2022. Anh T xuống H1 để theo dõi và nhiều lần gây phiền phức cho chị A, mục đích là bắt chị A quay về chung sống với anh T nhưng cách làm của anh T là không hợp lý, không tôn trọng vợ và còn chửi bới, xúc phạm bà và gia đình, bà không thể chấp nhận một người con rể như anh T được. Quan điểm của gia đình bà là đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị A được ly hôn với anh Nguyễn Duy T vì anh chị không còn khả năng đoàn tụ nữa.

Qua xác minh tại địa phương, trong thời gian vợ chồng anh chị Đỗ Minh A và Nguyễn Duy T chung sống tại thôn C không có báo cáo hay có thông tin về việc vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn.

Cháu Nguyễn Bảo A3 có ý kiến, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với bố, ở với ông bà nội, vì cháu ở với ông bà, với bố thì ông bà còn trông, ở với mẹ thì mẹ toàn đi làm để cháu ở một mình, gửi cho bà ngoại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần, cả hai lần anh Nguyễn Duy T đều

vắng mặt không lý do, chị A có mặt một lần và vắng mặt một lần (đề nghị không hòa giải), Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký theo đúng quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn chị Đỗ Minh A đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS.

+ Bị đơn Nguyễn Duy T không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Xét thấy việc chị Đỗ Minh A làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Duy T là do hai bên ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn hai vợ chồng xảy ra, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng có gia đình hai bên biết. Như vậy, theo đơn khởi kiện cùng những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của nguyên đơn đã đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Anh T và chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A3, sinh ngày 17/10/2016. Anh T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A3. Xét thấy anh Nguyễn Duy T đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T giao cháu A3 cho anh T nuôi dưỡng.

+ Tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Án phí: Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Minh A yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy T, con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, là tranh chấp được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Mèo Vạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

[2] Bị đơn Nguyễn Duy T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 điều 175; khoản 2, 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do và không có ý kiến gì, nguyên đơn chị Đỗ Minh A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Minh A và anh Nguyễn Duy T đăng ký kết hôn ngày 07/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Minh A thấy rằng, vợ chồng anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ tháng 11/2022, được hai bên gia đình khuyên giải nhưng hai vợ chồng không nghe, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, anh chị hiện tại đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không hợp tác, nhiều lần không đến Tòa án làm việc, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A để tiếp tục xây dựng lại gia đình. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị A không còn tình cảm với chồng và kiên quyết xin ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Minh A, cho chị A được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A3, sinh ngày 17/10/2016. Anh T có ý kiến được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A3, chị A có ý kiến để anh T nuôi con chung và chị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy ý kiến của anh chị là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Bảo A3, phù hợp với quy

định của pháp luật, được chấp nhận. Ghi nhận chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56, 58, 81, 82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Minh A

1. Quan hệ hôn nhân: cho chị Đỗ Minh A được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

2. Con chung: Ghi nhận ý kiến của các đương sự: anh Nguyễn Duy T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Bảo A3, sinh ngày 17/10/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung , không ai được ngăn cản.

Cấp dưỡng nuôi con chung: chị Đỗ Minh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T số tiền 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng). Phương thức cấp dưỡng một quý một lần, thời điểm tính từ ngày 01/4/2024.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

Chị Đỗ Minh A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Tổng cộng hai loại án phí chị Đỗ Minh A phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai số 0006219 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, chị Đỗ Minh A còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND huyện Mèo Vạc;
- THADS huyện Mèo Vạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Pá Vi, H. Mèo Vạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Yên